

Bản án số: 28/2021/DS-PT

Ngày 18- 01- 2021

*V/v “Tranh chấp Quyền sử dụng đất,
yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái
pháp luật đối với việc thực hiện quyền
sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử Pc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phan Nhựt Bình

Ông Hoàng Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử Pc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 512/2019/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 về việc: “Tranh chấp Quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2019/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử Pc thẩm số: 364/2020/QĐPT-DS ngày 29 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Lê Minh D, sinh năm 1966 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

1.2. Bà Lâm Thị H, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: Số 115, tổ 8, ấp T, thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (bà Lâm Thị H): Ông Lương Tổng T, sinh năm 1964, nơi cư trú: Số 118/6B, đường R, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 06/02/2017 (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Ngô Thị E, sinh năm 1948 (có mặt).

2.2. Ông Trần Văn U, sinh năm 1946 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 8, ấp T, thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn (ông Trần Văn U): Ông Trần Văn P, sinh năm 1982, nơi cư trú: Ấp T, thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 24/10/2018 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn P - Hãng Luật P và Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Minh S, sinh năm 1983 (xin vắng mặt);

3.2. Bà Lê Thị X, sinh năm 1985 (xin vắng mặt);

3.3. Cháu Lê Thị H, sinh năm 2002 do ông Lê Minh D và bà Lâm Thị Hà là người đại diện theo pháp luật (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng cư trú: Số 115, tổ 8, ấp T, thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang.

3.4. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Chí Q - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh An Giang (Giấy ủy quyền ngày 09/10/2018) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. người kháng cáo: bị đơn là bà Ngô Thị E và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn Pháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Lê Minh D và bà Lâm Thị Hà (bà H ủy quyền cho ông Lương Tổng T) trình bày:

Hộ ông D và bà H được hưởng thừa kế của cha mẹ để lại phần đất diện tích 2.236,4m², thửa đất số 30, tờ bản đồ địa chính số 41, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang. Đất đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00752 ngày 01/11/2005 cho hộ ông D và bà H. Khi hộ ông D và bà H làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dạng đại trà thì ông U có ký tên tứ cận. Trong phần đất này, vào năm 2002 ông bà và ông U, bà E có thỏa thuận ông U, bà E chuyển nhượng lại cho ông bà phần đất xéo cánh buồm diện tích khoảng 40m² trị giá 05 chỉ vàng 24 kara theo Biên nhận (Không ghi ngày tháng năm) do ông U, bà E ký tên và lấn tay. Khi ông D, bà H xây hàng rào xung quanh phần đất thì ông U, bà E ngăn cản không cho ông bà xây dựng.

Sau khi đo đạc hiện trạng khu đất tranh chấp thì phát hiện ông U, bà E đã lấn chiếm của ông D, bà H phần đất diện tích 35,8m².

Ông D, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn U và bà Ngô Thị E phải chấm dứt hành vi cản trở ông D, bà H thực hiện quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên và yêu cầu ông U, bà E phải tháo dỡ, di dời hàng rào và cây trồng trên đất để trả lại phần đất diện tích 35,8m² theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn Phòng Đăng ký đất đai chi nhánh T ngày 04/7/2018 được giới hạn bởi các điểm 8, 9, 39, 45. Ông D, bà H không đồng ý theo yêu cầu của ông U, bà E yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông bà.

Bị đơn là ông Trần Văn U ủy quyền cho anh Trần Văn Pháp và bà Ngô Thị E trình bày:

Nguồn gốc đất ông bà đang sử dụng diện tích khoảng 2.500m² đến 3.000m², tọa lạc tại ấp T, thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang là của cha ông U là cụ Trần Văn K (đã chết) để lại trước giải phóng và ông bà đã sử dụng hơn 50 năm nay nhưng các giấy tờ đất đã bị thất lạc, hiện nay ông bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hàng năm ông bà đều có đóng thuế đất cho Nhà nước đầy đủ nhưng ông bà không nhớ diện tích đất đã đóng thuế.

Ông bà thừa nhận có nhận 05 chỉ vàng 24kara của ông D, bà H bồi hoàn thành quả lao động phần đất hình chéo cánh buồm nhưng không biết diện tích cụ thể. Khi ông D, bà H làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông U có ký tên và ghi họ tên tứ cận, bà E không ký tên tứ cận. Đối với phần đất ông D, bà H xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà có cho con là anh Trần Văn Tâm diện tích ngang 6m, dài không biết diện tích nhưng phần đất này cũng không có giấy tờ, ông bà không tranh chấp trong vụ án này. Nếu sau này anh Tâm có tranh chấp sẽ khởi kiện ông D, bà H bằng vụ án khác.

Ông U và bà E không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông D, bà H yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên và không đồng ý trả lại phần đất diện tích 35,8m² theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn Phòng Đăng ký đất đai chi nhánh T lập ngày 04/7/2018 được giới hạn bởi các điểm 8, 9, 39, 45. Ông bà yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp số H00752 ngày 01/11/2005 cấp cho hộ ông D, bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Minh S và bà Lê Thị X trình bày:

Hộ gia đình chúng tôi được thừa hưởng thừa kế của ông bà thửa đất diện tích 2.236,4m², thửa đất số 30, tờ bản đồ địa chính số 41, tọa lạc tại thị trấn O, huyện T được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00752 ngày 01/11/2005. Với mong muốn bảo vệ thửa đất, cha mẹ đã thực hiện việc xây hàng rào xung quanh thửa đất nhưng đã bị bà E ngăn cản quyết liệt và cho rằng đất được cấp có phần đất của cha mẹ bà E. Sự việc được UBND thị trấn O, huyện T tổ chức hòa giải vào ngày 19/8/2016 nhưng không thành. Quá trình tranh chấp, thông qua việc đo đạc hiện trạng sử dụng đất, gia đình ông phát hiện ngoài việc cản trở chúng tôi thực hiện quyền sử dụng, gia đình ông U, bà E

còn lần chiếm của chúng tôi 35,8m² đất. Cha mẹ chúng tôi đã khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông U, bà E phải hoàn trả lại số diện tích đất này. Các ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông U và bà E chấm dứt hành vi cản trở chúng tôi thực hiện quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên, đồng thời hoàn trả lại phần đất diện tích 35,8m². Do bận làm ăn xa không tiện đến tòa, chúng tôi xin được vắng mặt trong quá trình xét xử.

Ủy ban nhân dân huyện Tuy quyền cho ông Đỗ Chí Quang trình bày:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số niêm rô ADD 321496 cấp ngày 01/11/2005 cho ông D, bà H diện tích 2.236,4m², thửa đất số 30, tờ bản đồ địa chính số 41, mục đích sử dụng đất thổ cư và đất cây lâu năm khác, tọa lạc tại thị trấn O. Về trình tự cấp giấy được thực hiện đúng quy định (dạng cấp đại trà). Theo Đơn xin đăng ký kê khai cấp giấy thì đất có nguồn gốc cha mẹ cho năm 1980. Biên bản xác định ranh giới- mốc giới khu đất có các hộ tứ cận (trong đó có ông Trần Văn U) ký tên. Qua hồ sơ cấp giấy cho ông D, bà H được thực hiện theo trình tự và đúng quy định của pháp luật về đất đai. Do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số niêm rô ADD 321496 cấp ngày 01/11/2005 cấp cho bà H, ông D được thực hiện theo trình tự và đúng quy định của pháp luật về đất đai. Vì vậy không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận nêu trên. Do bận nhiều công việc nên ông yêu cầu được vắng mặt trong quá trình hòa giải và xét xử..

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang quyết định:

1. Căn cứ vào khoản 3, 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 136, Điều 138, Điều 140, Điều 169, Điều 245, Điều 247, Điều 248 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26, Điểm a Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Minh D và bà Lâm Thị Hà.

3. Buộc ông Trần Văn U và bà Ngô Thị E phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất diện tích 2.236,4m², thửa số 30, tờ bản đồ số 41, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị và đất trồng cây lâu, tọa lạc tại ấp T, thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00752 ngày 01/11/2005 cấp cho hộ ông Lê Minh D và bà Lâm Thị Hà.

4. Buộc ông Trần Văn U và bà Ngô Thị E phải tháo dỡ, di dời hàng rào và cây trồng trên đất để giao trả cho hộ ông Lê Minh D và bà Lâm Thị Hà phần đất diện tích 35,8m², tọa lạc tại ấp T, thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh T lập ngày 04/7/2018 được giới hạn bởi các điểm 8, 9, 39, 45. Đất đã được UBND huyện T

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00752 ngày 01/11/2005 cho hộ ông Lê Minh D và bà Lâm Thị Hà.

5. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn U và bà Ngô Thị E yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00752 ngày 01/11/2005 cấp cho hộ ông Lê Minh D và bà Lâm Thị Hà.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 06/8/2019, bị đơn là bà Ngô Thị E và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn Pháp kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa Pc thẩm:

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Nguyễn Văn P trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử Pc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm trong thủ tục thụ lý vụ án: chưa ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, nguyên đơn chưa nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nhưng lại ra thông báo thụ lý bổ sung ngày 21/8/2018 và vi phạm về thủ tục hòa giải tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất trước khi thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai năm 2013. Chưa xác minh làm rõ nhiều vấn đề có liên quan đã kết luận trên cơ sở chứng cứ không rõ ràng. Không có bất kỳ nội dung nào là bà E, ông U nhận 05 chỉ vàng để bán cho bà H phần đất hình cánh buồm 40m². Vị trí phần đất hình cánh buồm đang tranh chấp có cùng vị trí với khu đất mà ông U, bà E đã cho con là ông Trần Văn Tâm, và có ranh đất giáp với nhà ông Trần Văn Pháp (ông Pháp được ông U, bà E cho đất ra ở riêng, ông Pháp tự xây cất nhà trên đất từ năm 2000 trước thời điểm bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Ông Tâm và ông Pháp nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm các chứng cứ về việc khiếu nại tranh chấp với bà H vào ngày 01/9/2019 nhưng Tòa án không triệu tập ông Tâm, ông Pháp tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Người liên quan tự mình quyết định việc có hay không có yêu cầu độc lập theo Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Liên quan đến yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất đối với ông U là không đúng đối tượng. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Biên bản ký giáp ranh năm 2002 cho rằng ông U ký giáp ranh là không đúng. Ông U có quyền ký giáp ranh hay không chưa được làm rõ.

** Bị đơn bà Ngô Thị E và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn U thống nhất với lời trình bày của Luật sư Nguyễn Văn P.*

** Ông Lương Tổng T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lâm Thị Hà trình bày:*

Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Nguyên đơn ông Lê Minh D có đơn xin xét xử vắng mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh S, bà Lê Thị X và Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn Pc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bà Ngô Thị E và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn Pháp kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được chứng cứ mới nào chứng minh yêu cầu của mình ngoài lời trình bày của bà E, ông U và ông U có ký tứ cận và xác nhận của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang nên không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử Pc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phía bị đơn kháng cáo cho rằng phần đất có diện tích 35,8m² đang tranh chấp thuộc một phần thửa đất có diện tích khoảng 2.500m² đến 3.000m², thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị đơn, có nguồn gốc do cha ông Trần Văn U là cụ Trần Văn K để lại, gia đình bị đơn đã sử dụng hơn 50 năm.

- Hội đồng xét xử nhận thấy, vào ngày 01/11/2005, hộ ông D, bà H đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00752 đối với phần đất có diện tích 2.236,4m², thửa số 30, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại ấp T, thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang. Theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh T lập ngày 04/7/2018 thể hiện: phần đất diện tích 35,8m² được giới hạn bởi các điểm 8, 9, 39, 45 nằm trong phần đất có diện tích 2.236,4m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông D, bà H. Khi hộ ông D, bà H làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất theo dạng đại trà, tại Biên bản xác định ranh giới- mốc giới khu đất, ông U có ký tên tứ cận để xác định ranh giới khu đất. Trước đó vào năm 2002, ông D, bà E có nhận chuyển nhượng của ông U, bà E phần đất hình chéo cánh buồm (ông D, bà E trình bày diện tích khoảng 40m², ông U và bà E trình bày không biết diện tích) trị giá 05 chỉ vàng 24 kara theo Biên nhận (không ghi ngày tháng năm) được ông U, bà E thừa nhận có nhận 05 chỉ vàng và lặn tay vào Biên nhận. Ngoài những lời trình bày thì phía bị đơn không nộp được bất cứ tài liệu nào để chứng minh phần đất có diện tích 35,8m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị đơn. Bị đơn chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đối với phần đất nào.

UBND huyện T cũng xác định: hồ sơ cấp giấy cho hộ ông D, bà H được thực hiện theo trình tự và đúng quy định của pháp luật về đất đai; theo Đơn xin đăng ký kê khai cấp giấy thì đất có nguồn gốc cha mẹ cho năm 1980 và tại Biên bản xác định ranh giới- mốc giới khu đất có các hộ tứ cận (trong đó có ông Trần Văn U) ký tên.

Cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông U, bà E phải tháo dỡ, di dời hàng rào và cây trồng trên đất để giao trả cho hộ ông D, bà H phần đất diện tích 35,8m² và không chấp nhận yêu cầu của ông U, bà E yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp cho hộ ông D, bà H – là có căn cứ, đúng quy định.

- Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2] Về án phí: Do ông U, bà E là người cao tuổi và tại phiên tòa Pc thẩm phía ông U, bà E có đơn xin được miễn nộp án phí sơ thẩm, Pc thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 136, Điều 138, Điều 140, Điều 169, Điều 245, Điều 247, Điều 248 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Minh D và bà Lâm Thị Hà.

- Buộc ông Trần Văn U và bà Ngô Thị E phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất diện tích 2.236,4m², thửa số 30, tờ bản đồ số 41, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị và đất trồng cây lâu, tọa lạc tại ấp T, thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00752 ngày 01/11/2005 cấp cho hộ ông Lê Minh D và bà Lâm Thị Hà.

- Buộc ông Trần Văn U và bà Ngô Thị E phải tháo dỡ, di dời hàng rào và cây trồng trên đất để giao trả cho hộ ông Lê Minh D và bà Lâm Thị Hà phần đất diện tích 35,8m², tọa lạc tại ấp T, thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh T lập ngày 04/7/2018 được giới hạn bởi các điểm 8, 9, 39, 45. Đất đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00752 ngày 01/11/2005 cho hộ ông Lê Minh D và bà Lâm Thị Hà.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn U và bà Ngô Thị E yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00752 ngày 01/11/2005 cấp cho hộ ông Lê Minh D và bà Lâm Thị Hà.

3. Về chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ: Do bà Ngô Thị E và ông Trần Văn U chịu. Ông U, bà E phải giao trả cho ông Lê Minh D và bà Lâm Thị Hà số tiền 5.804.000 đồng (Năm triệu tám trăm lẻ bốn nghìn đồng).

4. Về án phí:

- Bà Lâm Thị Hà được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0017726 ngày 18/7/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

- Ông Trần Văn U và bà Ngô Thị E không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và Pc thẩm. Trả lại cho ông U, bà E số tiền tạm ứng án phí do ông Trần Văn Pháp đã nộp thay là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005178 và 0005177 ngày 06/8/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Bản án Pc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PC THẨM

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Minh

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA